CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Ngày 31/12/2024	8,480 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.0%	**8.6%**	**-1.7%**

DT thuần
Q4/24
817
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 280| 52.2%
YoY: ▲ 182| 28.7%

LN thuần
Q4/24
-1.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.57| -475%
YoY: ▼7.79| -119%

LN sau thuế
Q4/24
-1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.31| -596%
YoY: ▼4.65| -131%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
1.0%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE
2024
0.7%
YoY: +/-▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,845 - 9,909
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	293
Số lượng CPLH (CP)	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	179,815
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.61
EPS	74
P/E	115.0

DT thuần
2024
3,426
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 694| 25.4%

LN thuần
2024
3.59
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.01| -62.5%

LN sau thuế
2024
2.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.43| -57.4%

Cơ cấu sở hữu

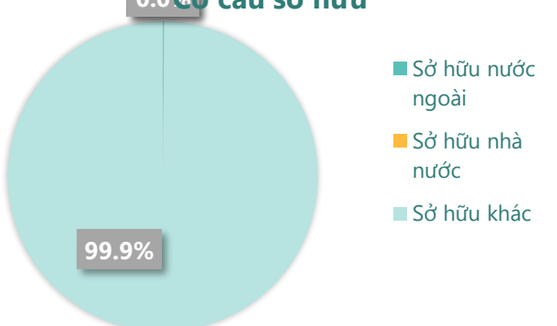

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

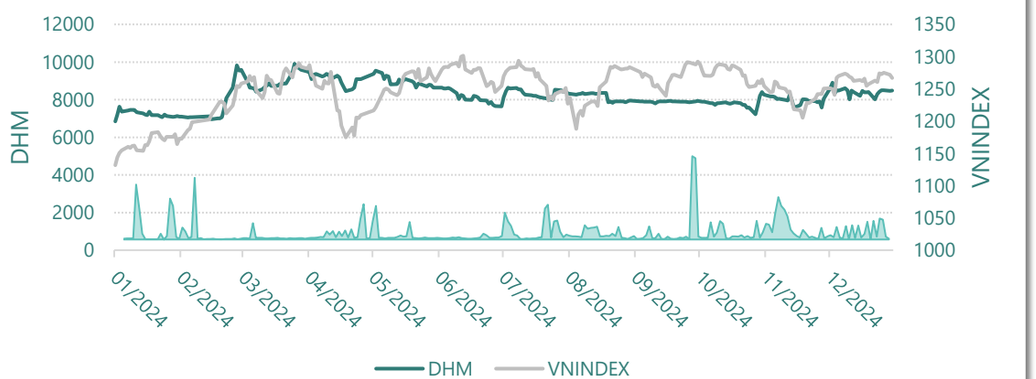

Cơ cấu cổ đông

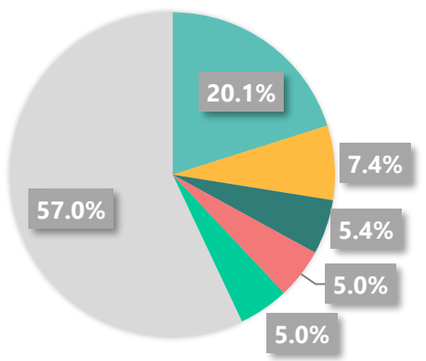

- Nguyễn Thị Dung (Tổng giám đốc)
- Trịnh Gia Tùng
- Trương Quang Thắng
- Dương Thị Thúy Hà
- Lê Thanh Tuấn
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

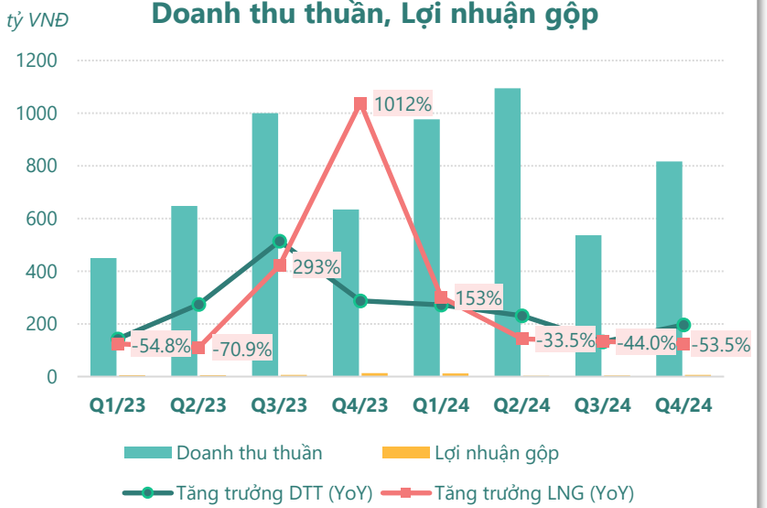

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

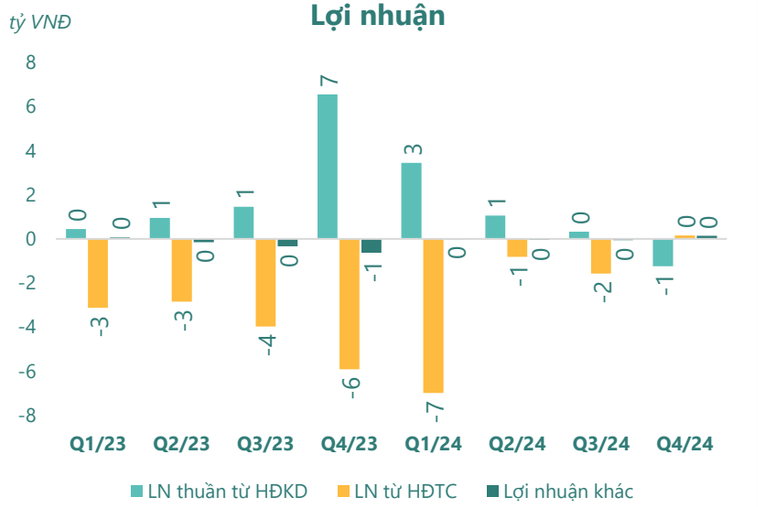

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

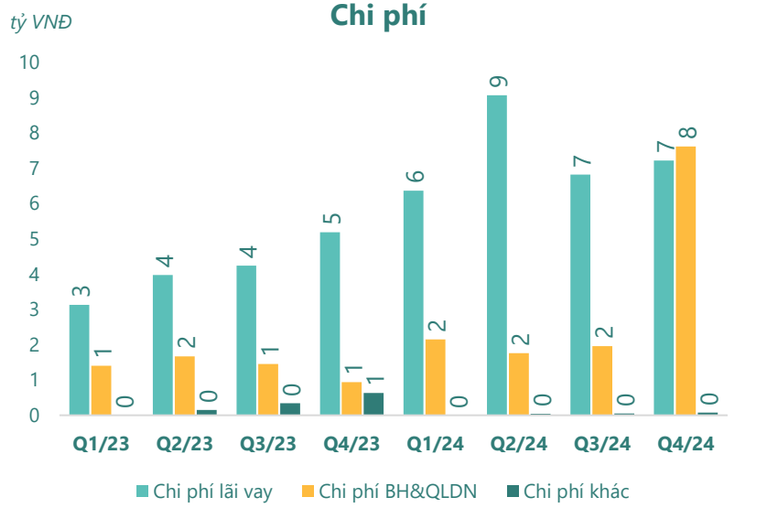

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

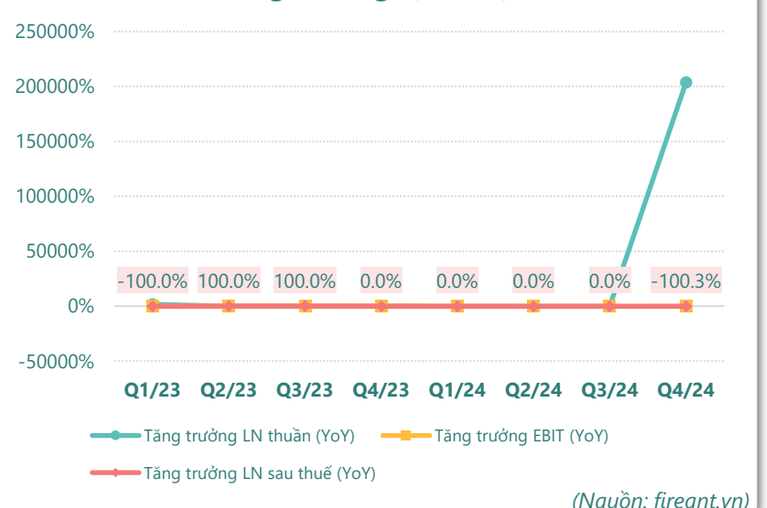

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

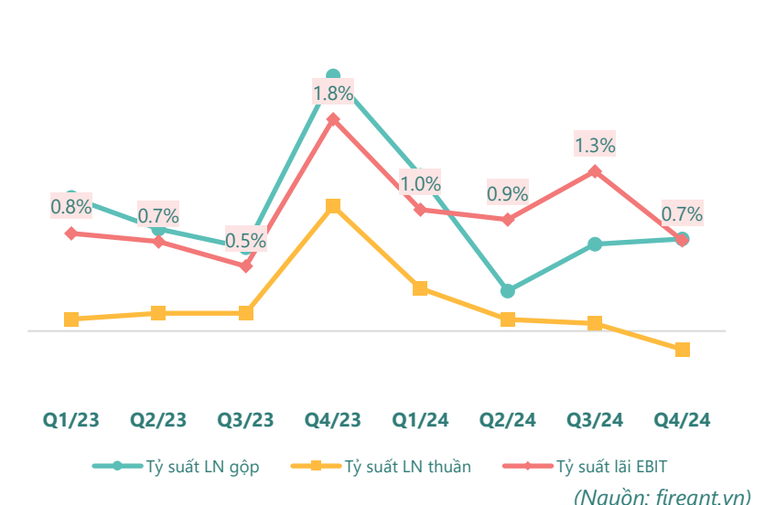

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

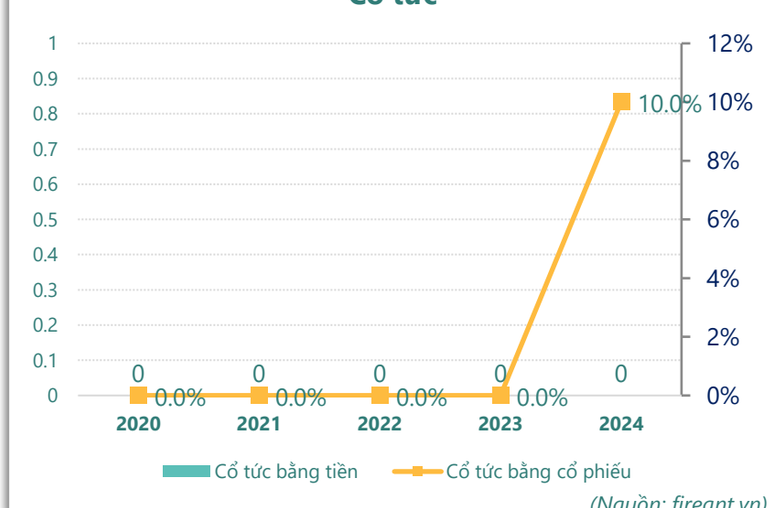

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

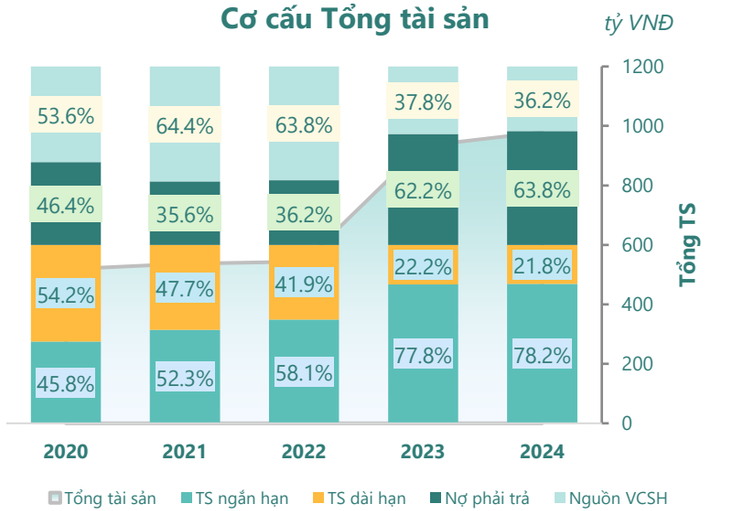

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

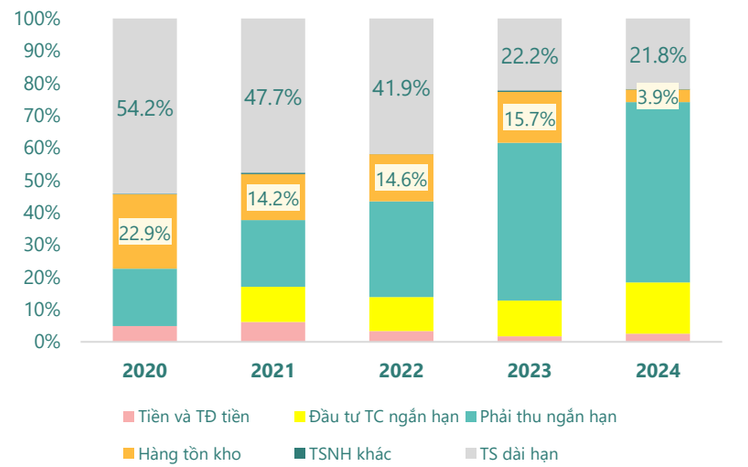

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

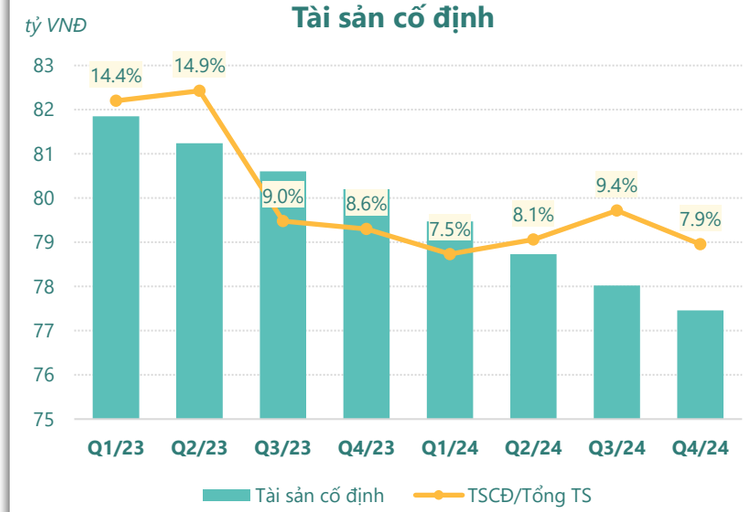

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

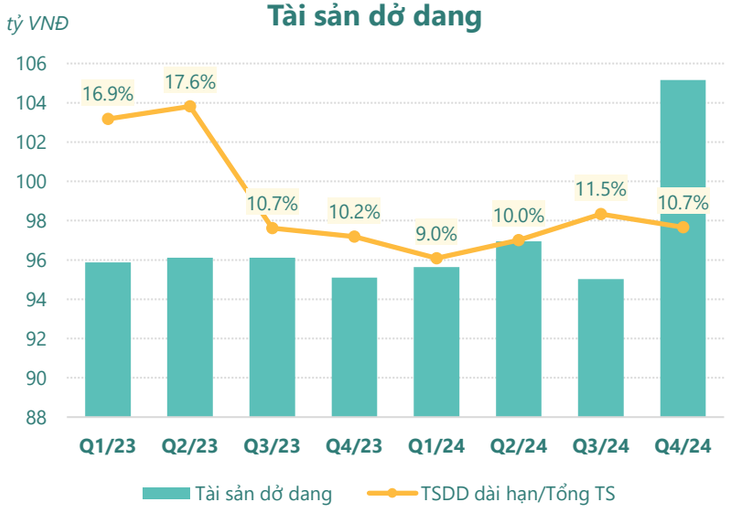

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

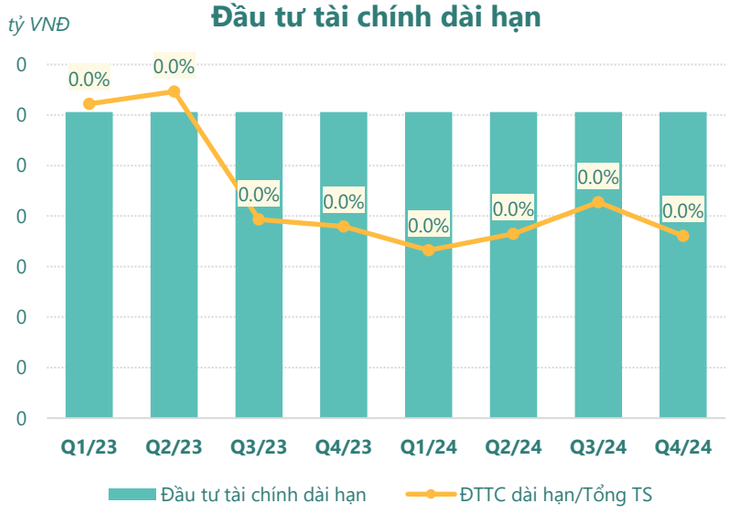

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

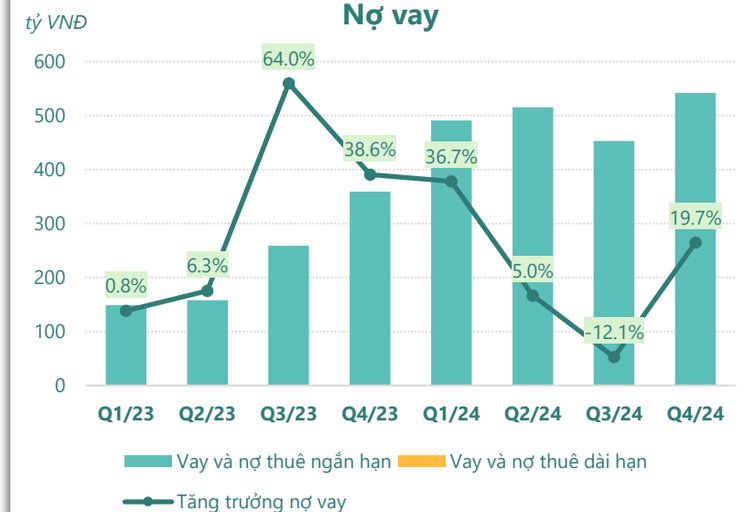

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

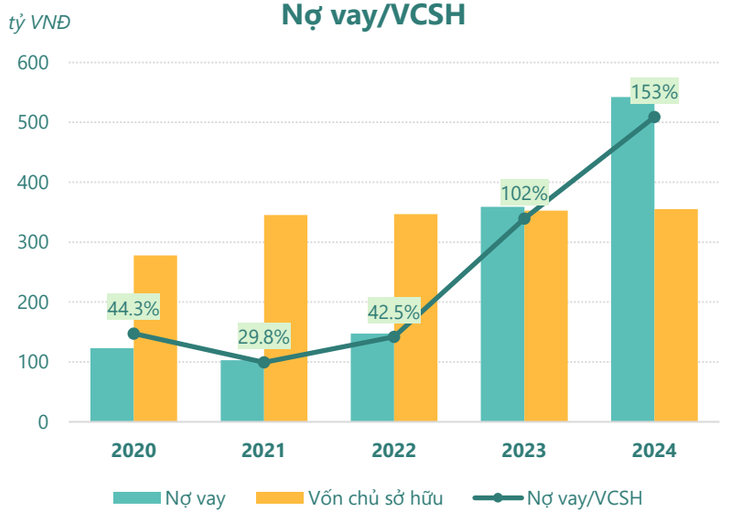

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

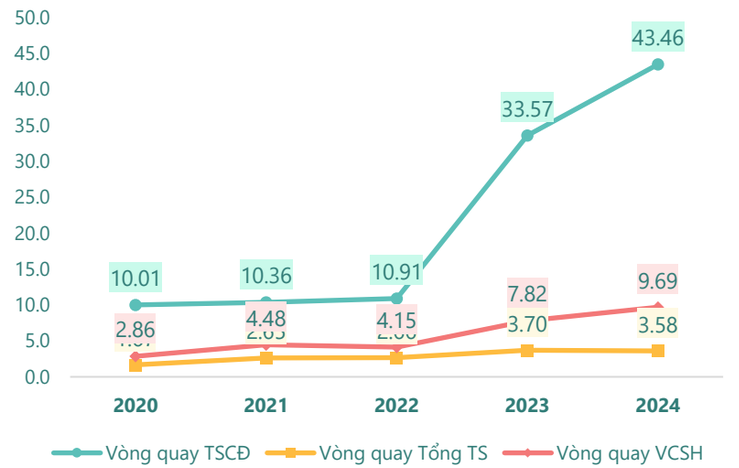

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

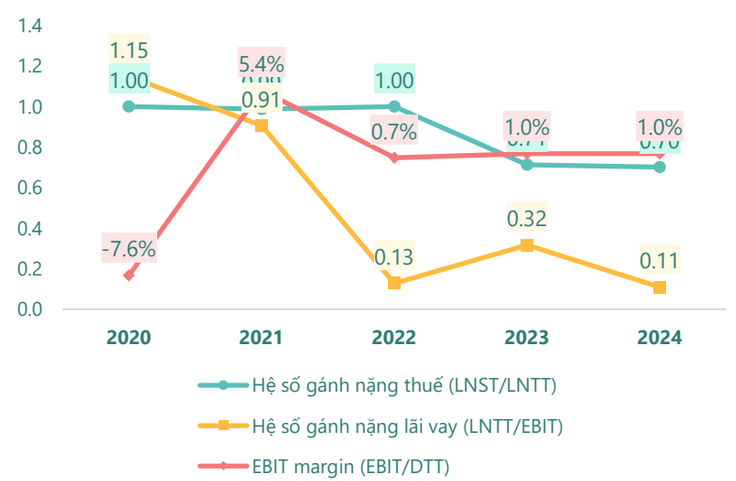

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

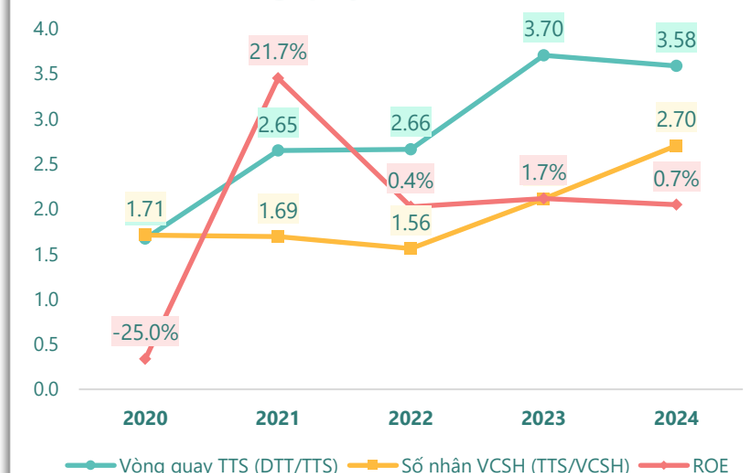

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

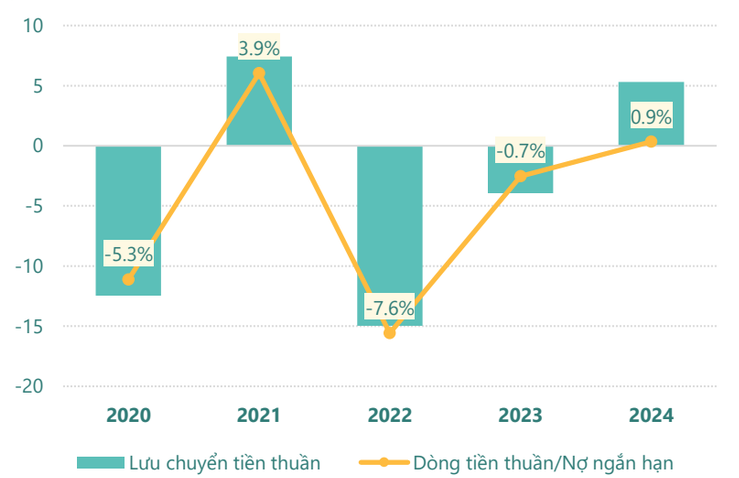

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**817**	**635**	**28.7%**	**3,426**	**2,732**	**25.4%**
Giá vốn hàng bán	811	621	30.6%	3,400	2,701	25.9%
Lợi nhuận gộp	6.23	13.4	-53.5%	26.3	30.8	-14.7%
Doanh thu HĐTC	7.50	2.75	173%	17.6	4.04	335%
Chi phí TC	7.35	8.66	-15.2%	26.8	19.9	34.8%
Chi phí lãi vay	7.22	5.19	39.1%	29.5	18.0	63.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.54	0.18	201%	1.60	0.92	74.8%
Chi phí QLDN	**7.08**	**0.76**	**831%**	**11.9**	**4.48**	**166%**
LN thuần từ HĐKD	-1.24	6.55	-119%	3.59	9.60	-62.5%
Lợi nhuận khác	**0.14**	**-0.63**	**122%**	**0.04**	**-1.22**	**103%**
LN trước thuế	-1.10	5.92	-119%	3.63	8.38	-56.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.09**	**3.56**	**-131%**	**2.55**	**5.98**	**-57.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.09**	**3.56**	**-131%**	**2.55**	**5.98**	**-57.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-110	-27.5	-121	-8.74	127	-26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.91	-69.4	0	-24.5	-61.1	-62.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	105	99.9	120	36.5	-62.5	89.2
Tiền đầu kỳ	14.8	12.1	15.6	14.8	20.7	21.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.29**	**3.08**	**-0.89**	**3.29**	**3.21**	**-0.29**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.44	0	0	2.69	-2.69	4.26
Tiền cuối kỳ	12.1	15.2	14.8	20.7	21.3	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**979**	**932**	**5.0%**
Tài sản ngắn hạn	766	725	5.6%
Tiền và tương đương tiền	25.2	15.6	61.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	155	103	50.2%
Phải thu ngắn hạn	546	455	19.9%
Hàng tồn kho	38.5	146	-73.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	4.66	-79.6%
Tài sản dài hạn	**214**	**207**	**3.3%**
Phải thu dài hạn	0	0.04	-100%
Tài sản cố định	77.5	80.2	-3.4%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.6	-2.0%
Tài sản dở dang	105	95.1	10.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.15**	**0.99**	**16.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	624	580	7.7%
Nợ ngắn hạn	**624**	**579**	**7.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	542	359	51.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	113	-91.0%
Nợ dài hạn	0	1.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**355**	**352**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**355**	**352**	**0.7%**
Vốn điều lệ	314	314	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)